

Bản án số: **02/2021/DS-ST**
Ngày: 25 - 3 - 2021
“V/v Tranh chấp về
giao dịch mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thế Căn** và bà **Nguyễn Thị Hảo**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thanh Huệ**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/TLST-DS ngày 12/11/2020 về việc “*Tranh chấp về kiện đòi nợ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021, theo Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử, số 01/TB-TA ngày 02/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐ-DSST ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đào Kim L**, sinh năm: 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu 1, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ liên hệ: số 38, đường Nguyễn Du, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Đặng Hồng M**, sinh năm: 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 2, phường Tr, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. (Theo Hợp đồng ủy quyền, số 1048 - quyền số 01 TP/CC-SCC/ HĐGD ngày 17/11/2020 của Văn phòng Công chứng Đ).

Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Phạm Thanh Ph**, sinh năm: 1987.

Chị **Nông Thị L**, sinh năm: 1982.

Đều cư trú: thôn 3, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Ph có mặt. Chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020 đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 28/10/2020 của nguyên đơn anh Đào Kim L, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Đặng Hồng M trình bày:

Từ khoảng tháng 7/2017, anh L cung cấp thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng anh Phạm Thanh Ph và chị Nông Thị L. Quá trình cung cấp thực hiện thỏa thuận miệng và lập sổ ghi chép việc tạm ứng và thanh toán cụ thể. Đến ngày 01/3/2018, hai bên lập Biên bản xác nhận công nợ, cụ thể: số tiền vợ chồng anh Ph chị L chưa thanh toán cho anh L là 235.180.000đ (hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng); phương thức thanh toán: mỗi tháng anh chị Ph - L phải thanh toán cho anh L số tiền 20.000.000đ trong thời hạn 12 tháng, nếu anh chị Ph - L thanh toán chậm hoặc cố tình không thanh toán, anh L có quyền khởi kiện để thu hồi toàn bộ số còn lại chưa thanh toán ngay lập tức. Mọi bất đồng mà hai bên không tự giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Quảng Ninh, phán quyết tại Tòa án có giá trị cuối cùng. Sau khi lập xong biên bản anh L, anh Ph và chị L cùng ký tên xác nhận nội dung. Đến ngày 02/4/2018, anh Ph - chị L đã thanh toán được 10.000.000đ, số chưa thanh toán còn 225.180.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay, anh Ph - chị L không thanh toán theo cam kết. Bản thân anh L đã nhiều lần trực tiếp hoặc liên lạc qua điện thoại yêu cầu bên anh Ph thanh toán nhưng gia đình anh Ph luôn tìm cách thoái thác trách nhiệm, không thanh toán cho anh L.

Tại đơn khởi kiện, anh L yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Phạm Thanh Ph, chị Nông Thị L phải trả cho anh Đào Kim L số tiền nợ gốc là 225.180.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi với lãi suất 10%/năm trên số tiền 225.180.000đ. Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung anh L tạm tính từ 03/4/2019 đến ngày 19/10/2020 là 35.000.000đ (ba mươi năm triệu đồng). Anh yêu cầu tính lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đối với số tiền bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn, đồng thời yêu cầu bị đơn thanh toán đối với số tiền lãi với lãi suất 10%/năm trên số tiền 225.180.000đ tạm tính từ 03/4/2019 đến ngày 18/11/2020 là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng). Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đào Kim L là chị Đặng Hồng M có quan điểm: anh L là người cung cấp thức ăn chăn nuôi cho gia đình anh Phạm Thanh Ph và chị Nông Thị L tại thôn 3, xã Quảng Nghĩa từ tháng 7 năm 2017 đến thời điểm đầu năm 2018. Tại biên bản xác nhận công nợ lập ngày 01/3/2018, hai bên đã ghi nhận số tiền chưa thanh toán là 235.180.000đ, ngày 02/4/2018 gia đình anh chị Ph L thanh toán được 10.000.000đ, số tiền còn lại chưa thanh toán là 225.180.000đ.

Đến nay, đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền

chưa thanh toán trong giao dịch mua bán hàng hóa là thức ăn chăn nuôi là 225.180.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Đồng thời đề nghị Tòa án tính lãi suất đối với số tiền chưa thanh toán là 10%/năm từ thời điểm ngày 03/4/2019 cho đến ngày 25/3/2021 là 43.926.000đ (bốn mươi ba triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Thanh Ph trình bày có quan điểm như sau: Năm giữa năm 2017, gia đình anh mở trang trại chăn nuôi heo, phía anh L đến gặp anh và gia đình anh trao đổi về thức ăn chăn nuôi, hai bên thỏa thuận: gia đình anh có bao nhiêu heo thì anh L tự nguyện đầu tư cho. Tuy nhiên, sau đó do giá thị trường giảm nên các hộ như gia đình anh đều gặp khó khăn phải nợ lại các đại lý. Gia đình anh chưa thanh toán cho đại lý anh L số tiền cám là 225.180.000đ. Hiện nay hoàn cảnh gia đình anh gặp khó khăn cần thời gian để làm trả nợ dần. Đối với yêu cầu về lãi suất và tiền lãi anh không đồng ý, mà cho rằng anh L đã chấp nhận đầu tư thì phải chấp nhận rủi ro.

Tại phiên tòa, anh Ph thừa nhận: Anh và chị L đều tham gia ký nhận về khoản tiền chưa thanh toán từ giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi đối với anh L tại Biên bản xác nhận công nợ ngày 01/3/2018. Quá trình xác nhận nợ và thanh toán cho anh L thì cả hai anh chị đều biết và cùng nhau đi thanh toán nhưng anh là người đại diện ký, nhưng hiện nay chị L đang không có mặt tại địa phương nên anh tự nguyện đứng ra tham gia tố tụng và xác nhận khoản tiền chưa thanh toán với anh L.

Về phía chị Nông Thị L, trong bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của anh Ph thể hiện chị L bỏ gia đình không biết đi đâu, làm gì.

Trên cơ sở đó, Tòa án tiến hành xác minh được địa phương cung cấp thông tin thể hiện: Anh Ph và chị L là vợ chồng có đăng ký thường trú tại thôn 3, xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái tuy nhiên hiện nay họ không có mặt trên địa bàn. Mẹ đẻ anh Ph là bà Trần Thị Cúc có nơi sinh sống gần với gia đình anh Ph chỉ L cho biết: hiện anh Ph đi làm ở Hạ Long, Quảng Ninh nhưng không rõ địa chỉ nhưng khoảng 01 tháng về nhà 01 lần, chị L bỏ nhà đi khoảng 02 năm nay, không xác định được địa chỉ cụ thể và nhiều tháng không liên lạc được.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết cho chị Nông Thị L. Các văn bản tố tụng trên đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy

định của pháp luật; xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng, tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm được thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Đối với nguyên đơn anh Đào Kim L, người đại diện theo ủy quyền chị Đặng Hồng M thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật theo Điều 70, 71, 86 BLTTDS.

Về phía bị đơn là anh Phạm Thanh Ph thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Đối với chị Nông Thị L vắng mặt tại nơi cư trú nên không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền.

Căn cứ: khoản 1 Điều 275, Điều 288; Điều 357, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Buộc anh Ph và chị L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đào Kim L tiền nợ gốc 225.180.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/3/2019 đến ngày xét xử là 43.926.000đ (bốn mươi ba triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng: 269.106.000đ (hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm linh sáu nghìn đồng) và tiếp tục phải chịu lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán.

Ngoài ra các đương sự còn phải chịu án phí theo qui định.

*Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã cung cấp các chứng cứ cho Tòa án gồm: Đơn xác nhận nơi cư trú (01 bản chính); Biên bản xác nhận công nợ là quyển sổ ghi chép (01 bản chính); Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (02 bản sao); Hợp đồng ủy quyền (01 bản chính); Phiếu gửi bưu điện (01 bản chính).

Bị đơn cung cấp tài liệu: Sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân cấp cho Phạm Thanh Ph (đối chiếu bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn (bản phô tô); Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh (bản phô tô); Giấy chứng nhận đạt tiêu chí kinh tế trang trại (bản phô tô); Phương án kinh doanh trang trại chăn nuôi lợn siêu nạc (bản phô tô); Sổ ghi chép (mua bán và thanh toán) gồm 05 tờ hai mặt đều có chữ (bản chính); Quan điểm giải quyết (bản chính)

Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết: Biên bản xác minh tại địa phương.

Nội dung người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn Phạm Thanh Ph thống nhất: Xác định số tiền bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 225.180.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Nội dung người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn Phạm Thanh Ph không thống nhất được về lãi suất và thời gian tính lãi.

Các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh tụng, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. *Xác định quan hệ tranh chấp*: Trên cơ sở đơn khởi kiện của người khởi kiện, Tòa án đã thụ lý vụ án “Tranh chấp về kiện đòi nợ”. Tuy nhiên, nội dung vụ án thể hiện quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở giao dịch về mua bán hàng hóa là thức ăn chăn nuôi, trong giao dịch này nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hóa còn bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, nhưng các đương sự đều thống nhất được số tiền 225.180.000 đồng là nghĩa vụ của bị đơn đối với nguyên đơn thể hiện tại “biên bản xác nhận công nợ ngày 01/3/2018” và thể hiện tại sổ ghi chép của bị đơn, Tòa án nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh quan hệ quan hệ tranh chấp dân sự về việc “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS, cần xác định lại trích yếu của quan hệ này là “Tranh chấp về giao dịch mua bán hàng hóa”.

1.2. *Về xác định thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 3, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

1.3. *Xác định thời hiệu*: Căn cứ “Biên bản xác nhận công nợ” đề ngày 01/3/2018 xác định đây là biên bản ghi nhận nghĩa vụ thanh toán tiền trong giao dịch về mua bán hàng hóa là thức ăn chăn nuôi, trong biên bản này không ghi nhận về lãi nhưng ghi nhận thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 01/3/2018. Như vậy, đến hết ngày 01/3/2019 anh Ph - chị L không thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho anh L, do đó anh L có quyền làm đơn khởi kiện ra Tòa án là đảm bảo thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự (BLDS).

1.4. *Xác định tư cách tham gia tố tụng*: Nguyên đơn là anh Đào Kim L có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Đặng Hồng M; bị đơn là anh Phạm Thanh Ph và chị Nông Thị L theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 BLTTDS.

1.5. *Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo theo quy định. Đối với chị Nông Thị L vắng mặt đã được thực hiện Thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

1.6. *Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với các đương sự*: Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt họp lệ đối với các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn Phạm Thanh Ph đã chấp hành đầy đủ, riêng đối với bị đơn Nông Thị L là vợ của bị đơn Phạm Thanh Ph vắng mặt. Trên cơ sở nội dung xác minh thể hiện chị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng đã đi làm ăn xa không tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; Tòa án đã tổng đạt thông báo kết quả tiếp cận

chứng cứ và thời gian, địa điểm mở phiên tòa theo đúng quy định. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn chị Nông Thị L tại phiên tòa sơ thẩm mở lần 2 đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

Tại phiên tòa ngày 25/3/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn Phạm Thanh Ph có mặt, bị đơn Nông Thị L vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Do đó, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

2.1. Về số tiền chưa thanh toán: Các đương sự đều thống nhất, trên cơ sở giao dịch mua bán hàng hóa là thức ăn chăn nuôi, mặc dù nguyên đơn đã hoàn thành việc cung cấp hàng hóa nhưng bị đơn chưa hoàn thành nghĩa vụ trả tiền nên sau khi đối trừ các khoản nên ngày 01/3/2018 hai bên đã ký biên bản xác nhận công nợ đối với khoản tiền hàng chưa thanh toán là 235.180.000đ (hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Tại tài liệu này thể hiện chữ ký của các bên Đào Kim L, Phạm Thanh Ph và Nông Thị L. Ngày 02/4/2018, bị đơn đã thanh toán được số tiền 10.000.000đ. Nội dung này phù hợp với đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của bị đơn Phạm Thanh Ph và sổ ghi chép của gia đình anh Ph, đối với bị đơn Nông Thị L mặc dù không có lời khai trong quá trình giải quyết nhưng tại bản chính của Biên bản xác nhận công nợ có chữ viết của chị L thể hiện xác nhận biên bản là đúng sự thật.

Đồng thời, tại biên bản xác minh tại UBND xã Quảng Nghĩa của Tòa án, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh và giấy chứng nhận của UBND thành phố Móng Cái thể hiện: anh Ph và chị L đăng ký hoạt động mô hình kinh tế trang trại hộ gia đình.

Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật Dân sự và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên chị L phải có trách nhiệm cùng anh Ph liên đới trả cho anh L số tiền 225.180.000đ mà các bên đã xác định vào ngày 01/3/2018 đã thanh toán một phần vào ngày 02/4/2018.

2.2. Về tiền lãi và thời hạn tính tiền lãi:

Đối với yêu cầu của anh L buộc anh Ph và chị L phải có trách nhiệm trả tiền lãi trên số tiền 225.180.000đ tính từ ngày 03/4/2019 đến ngày 25/3/2021 với lãi suất là 10%/năm. Hội đồng xét xử nhận định:

Tại khoản 2 Điều 440 BLDS quy định cụ thể “*trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời gian giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản*”.

Do đó, tại Biên bản ghi nhận công nợ lập ngày 01/3/2018 đã ghi nhận thời hạn thanh toán là 12 tháng, mỗi tháng thanh toán 20.000.000 đồng, sau đó, ngày 02/4/2018, bị đơn đã thanh toán được số tiền 10.000.000 đồng nên nguyên đơn đề nghị Tòa án cần buộc bị đơn có nghĩa vụ tính lãi sau 12 tháng, kể từ ngày bị đơn thanh toán lần sau cùng, ngày 03/4/2019 là phù hợp.

Đồng thời đối chiếu quy định tại khoản 3 Điều 440 BLDS, xác định bị đơn phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS.

Như vậy, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS dẫn chiếu đến khoản 2 Điều 468 BLDS thì mức lãi suất tương ứng là 10%/năm nên yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp cần chấp nhận.

Do đó, có căn cứ buộc anh Ph và chị L phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc 225.180.000đ và phải liên đới chịu tiền lãi trên số tiền trên kể từ ngày 03/4/2019 cho đến ngày xét xử (ngày 25/3/2021) với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: 225.180.000đ x 10%/năm x 23 tháng 22 ngày là 43.926.000đ (bốn mươi ba triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Tổng cộng: 225.180.000đ + 43.926.000đ = 269.106.000đ (hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm linh sáu nghìn đồng).

[4]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của anh L được Tòa án chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí tương ứng với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho anh L.

Tiền án phí của anh Ph, chị L tính trên số tiền 269.106.000đ x 5% = 13.455.300đ (mười ba triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm đồng), mỗi người phải chịu 6.727.650đ (sáu triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: khoản 1 Điều 275, Điều 288; Điều 357, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đào Kim L về việc “Tranh chấp về giao dịch mua bán hàng hóa”.

- Buộc anh Phạm Thanh Ph và chị Nông Thị L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đào Kim L tiền nợ gốc 225.180.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/3/2019 đến ngày xét xử, 43.926.000đ (bốn mươi ba triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Tổng cộng: 269.106.000đ (hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm linh sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn anh Đào Kim L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Phạm Thanh Ph và chị Nông Thị L chậm trả cho anh Đào Kim L đối với số tiền nêu trên khi đến hạn thì anh Ph và chị L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ: Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc anh Phạm Thanh Ph và chị Nông Thị L, mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.727.650đ (sáu triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Nguyên đơn anh Đào Kim L được trả lại tiền tạm ứng án phí, số tiền là 6.504.500đ (sáu triệu năm trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000429 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn anh Phạm Thanh Ph có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn chị Nông Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Dương Thị Thu Hà